

I. LÝ THUYẾT:

Bài 1: THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG.

1. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

a) Vai trò của TGQ, PPL của triết học.

- Triết học là gì ?

Triết học là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.

- Đối tượng nghiên cứu của triết học:

Là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất về sự vận động và phát triển của giới tự nhiên, xã hội và trong lĩnh vực tư duy.

- Vai trò của Triết học:

Là TGQ, PPL chung cho mọi hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người.

b) Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm

- Thế giới quan là gì ?

+ Theo cách hiểu thông thường TGQ là quan niệm của con người về TG.

+ Theo quan điểm triết học, TGQ là toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống.

- Vấn đề cơ bản của triết học:

Là MQH giữa vật chất và ý thức, giữa tư duy và tồn tại. Bao gồm 2 mặt:

+ Mặt thứ nhất: Giữa VC (Tồn tại, tự nhiên) và ý thức (tư duy, tinh thần) cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?

+ Mặt thứ hai: Con người có thể nhận thức được thế giới khách quan hay không?

- TGQ duy vật cho rằng:

+ VC có trước YT, quyết định ý thức.

TGVC tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, ko do ai sáng tạo ra và ko ai có thể tiêu diệt được.

+ Con người có thể nhận thức được TGKQ.

- TGQ duy tâm cho rằng:

+ Ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên.

+ Con người không có khả năng nhận thức được TGKQ.

=>* Kết luận:

+ TGQ duy vật: Có vai trò tích cực trong việc phát triển khoa học, nâng cao vai trò của con người đối với tự nhiên và tiến bộ xã hội

+ TGQ duy tâm: Là chỗ dựa về lí luận cho các lực lượng XH lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của XH.

2. PPL biện chứng và PPL siêu hình.

- Thế nào là phương pháp luận ?

+ Phương pháp là cách thức đạt tới mục đích đặt ra

+ Phương pháp luận là học thuyết về phương pháp nhận thức khoa học và cải tạo thế giới.

- Trong triết học có 2 PPL cơ bản:

+ PPL biện chứng

+ PPL siêu hình

=> * **Kết luận:** PPL BC và PPL SH đều là kết quả của quá trình con người nhận thức TGKQ. Nhưng do hạn chế của nó PPL SH không đáp ứng được nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.

Bài 3: SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT

1. Thế giới vật chất luôn luôn vận động

a) Thế nào là vận động ?

- Các SV, HT trong TGKQ có MQH hữu cơ với nhau, luôn biến đổi, chuyển hoá từ cái này thành cái khác.

- Sự biến đổi, chuyển hoá đó là khách quan, gắn liền với các dạng cụ thể của TGVC

+ Có những biến đổi, chuyển hoá ta trực tiếp quan sát được

VD : Xe ô tô đang rời bến

Người nông dân đang cày ruộng

+ Có những biến đổi, chuyển hoá bằng mắt thường ta ko quan sát được

VD: Sự biến đổi của từ trường, sóng điện từ...

=> ***Khái niệm:** Triết học Mác – Lênin cho rằng: Vận động là sự biến đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.

b) Vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất.

- Bất kỳ SV, HT nào cũng luôn vận động.

VD: ...

- Bằng vận động và thông quá vận động mà SV, HT tồn tại và thể hiện đặc tính của mình

VD: Con người tồn tại là do lao động

Trái đất chỉ tồn tại khi quay quanh mặt trời và tự quay quanh trục của nó.

=> * **Kết luận:** Vận động là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của SV và HT

2. Thế giới vật chất luôn luôn phát triển

a) Môi quan hệ giữa vận động và phát triển

- MQH giữa vận động và phát triển : Có MQH mật thiết với nhau

+ Có vận động thì mới có phát triển

+ Không phải bất cứ sự vđ nào cũng là sự phát triển.

b) Khái niệm phát triển

Phát triển là những VD theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Phát triển mang tính phổ biến diễn ra ở mọi lĩnh vực TN, XH và tư duy.

Bài 4: NGUỒN GỐC VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG

1. Thế nào là mâu thuẫn?

*** Khái niệm mâu thuẫn**

- Theo nghĩa thông thường:

Mâu thuẫn là trạng thái xung đột, chống đối nhau

- Quan niệm Triết học:

Mâu thuẫn là một hiện tượng phổ biến trong GTN và đời sống XH:

+ Bất kì SV, HT nào cũng chứa đựng trong nó những mặt đối lập

+ Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tác động lẫn nhau tạo thành MT

=> Khái niệm: Mâu thuẫn là một chỉnh thể trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.

a) Mặt đối lập của mâu thuẫn

- Mặt đối lập (MĐL): Phản ánh những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm trái ngược nhau trong mỗi SV, HT

- Là những MĐL biện chứng, ràng buộc, thống nhất và đấu tranh với nhau trong mâu thuẫn chứ ko phải là những MĐL bất kỳ.

=> * MĐL của mâu thuẫn là những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm...mà trong quá trình vận động, phát triển của SV, HT chúng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau.

b) Sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

- Hai MĐL liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau. Triết học gọi đó là sự thống nhất giữa các MĐL

- **Lưu ý:** Sự thống nhất trong quy luật mâu thuẫn khác với cách nói thống nhất được dùng trong đs hàng ngày.

c) Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

- Sự đấu tranh giữa các MĐL là hai MĐL luôn luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau.

- **Lưu ý:**

+ Đấu tranh diễn ra ở mọi lĩnh vực: KT, CT, tư tưởng

+ KN “ đấu tranh ” trong quy luật mâu thuẫn có ý nghĩa khái quát, không nên chỉ hiểu đó là sự xung đột, dùng sức mạnh diệt trừ nhau.

2. Mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng

a) Giải quyết mâu thuẫn.

- Sự đấu tranh giữa các MĐL làm cho các SV, HT ko thể giữ nguyên trạng thái cũ

- Kết quả của sự đtranh giữa các MĐL là MT được giải quyết, SV, HT cũ mất đi, SV & HT mới ra đời, xuất hiện mâu thuẫn (MT) mới => đòi hỏi đtranh để giải quyết MT mới...=> Tạo ra sự phát triển vô tận của SV & HT

=> * **Kết luận:** Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

b) Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng đấu tranh.

- Đấu tranh giữa các mặt đối lập là điều kiện tiên quyết để giải quyết mâu thuẫn

- MT chỉ được giải quyết khi sự đấu tranh giữa các MĐL lên tới đỉnh điểm và có đk thích hợp

=> * **KL:** Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, không phải bằng con đường điều hòa mâu thuẫn.

3. Bài học

- Trong CS phải thấy được việc phát hiện MT, giải quyết MT là nguồn gốc bên trong của sự tiến bộ và phát triển.

- Giải quyết mâu thuẫn phải có phương pháp đúng và ưu tiên giải quyết mâu thuẫn cơ bản trước.

- Việc giải quyết MT thì yếu tố tự thân giữ vai trò quyết định còn sự giúp đỡ từ bên ngoài chỉ là quan trọng

- Biết đấu tranh phê và tự phê bình để tiến bộ, tránh tư tưởng “ dĩ hoà vi quý ”.

II. DẠNG CÂU TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Quan niệm cho rằng thế giới vật chất tồn tại khác quan không phụ thuộc vào ý chí của con người là quan điểm của thế giới quan

A. thần thoại.

B. duy tâm.

C. duy vật.

D. tôn giáo.

Câu 2: Toàn bộ những quan điểm, niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống là nội dung của khái niệm

A. tôn giáo.

B. thế giới quan.

C. phương pháp luận.

D. nhân sinh quan.

Câu 3: Hình ảnh “Ông Bụt” trong các câu chuyện cổ tích Việt Nam thể hiện thế giới quan nào trong Triết học?

A. Thế giới quan thần thánh.

B. Thế giới quan cổ đại.

C. Thế giới quan thần thoại.

D. Thế giới quan duy tâm.

Câu 4: Vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Giới tự nhiên tồn tại khách quan, không ai sáng tạo ra là quan điểm của

A. Thuyết bất khả tri.

B. Thuyết nhị nguyên luận.

C. Thế giới quan duy vật.

D. Thế giới quan duy tâm.

Câu 5: “Người trong cung điện thì suy nghĩ khác người trong túp lều”. Nhận định của Phoi-ơ-bắc thể hiện lập trường thế giới quan nào dưới đây?

A. Văn hóa.

B. Duy tâm.

C. Duy vật.

D. Lịch sử.

Câu 6: Quan niệm “Sống chết có mệnh, giàu sang do trời” mang yếu tố nào sau đây về thế giới quan?

A. Duy vật.

B. Biện chứng.

C. Siêu hình.

D. Duy tâm.

Câu 7: Thế giới quan duy vật được thể hiện trong câu truyện cổ tích Việt Nam nào sau đây?

A. Sự tích quả dưa hấu.

B. Sự tích con muỗi.

C. Sự tích đầm Dạ Trạch.

D. Thần trụ trời.

Câu 8: Quan điểm nào dưới đây **không** phù hợp với thế giới quan duy vật?

A. Vật chất là cái quyết định ý thức.

B. Vật chất tồn tại độc lập với ý thức.

C. Ý thức sản sinh ra thế giới vật chất.

D. Vật chất tồn tại khách quan.

Câu 9: Quan điểm nào dưới đây phù hợp với thế giới quan duy tâm?

A. Vật chất tồn tại khách quan.

B. Vật chất là cái quyết định ý thức.

C. Ý thức sản sinh ra thế giới vật chất.

D. Vật chất tồn tại độc lập với ý thức.

Câu 10: Thế giới quan nào dưới đây là chỗ dựa về lý luận cho các lực lượng xã hội lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của xã hội?

A. Thế giới quan duy vật.

B. Thế giới quan phiến diện.

C. Thế giới quan siêu hình.

D. Thế giới quan duy tâm.

Câu 11: Phương thức tồn tại của thế giới vật chất là

A. Tính thực tại khách quan.

B. Không thể nhận thức được.

C. Tính quy luật.

D. Vận động

Câu 12: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý kiến nào dưới đây là **đúng**?

A. Mọi sự biến đổi của sự vật hiện tượng là khách quan.

B. Mọi sự biến đổi đều là tạm thời.

C. Mọi sự biến đổi của sự vật, hiện tượng xuất phát từ ý thức của con người.

D. Mọi sự vật, hiện tượng không biến đổi.

Câu 13: Bằng vận động và thông qua vận động, sự vật hiện tượng đã thể hiện đặc tính nào dưới đây?

A. Phong phú và đa dạng.

B. Khái quát và cơ bản.

C. Vận động và phát triển không ngừng

D. Phổ biến và đa dạng.

Câu 14: Để sự vật hiện tượng có thể tồn tại được thì cần phải có điều kiện nào dưới đây?

A. Luôn luôn vận động.

B. Luôn luôn thay đổi.

C. Sự thay thế nhau.

D. Sự bao hàm nhau.

Câu 15: Quan niệm cho rằng: “Ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên, sản sinh ra vạn vật, muôn loài ...” thuộc thế giới quan của trường phái triết học nào?

A. Duy vật.

B. Duy tâm.

C. Nhị nguyên luận.

D. Tam nguyên luận.

Câu 16: Theo nghĩa chung nhất, khái niệm phương pháp được hiểu như thế nào?

A. Cách thức đạt được ước mơ.

B. Cách thức đạt được chỉ tiêu.

C. Cách thức đạt được kế hoạch đặt ra.

D. Cách thức đạt được mục đích.

Câu 17: Vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Giới tự nhiên tồn tại khách quan, không ai sáng tạo ra là quan điểm của trường phái thế giới quan nào ?

A. Thuyết bất khả tri.

B. Thế giới quan duy vật.

C. Thuyết nhị nguyên luận.

D. Thế giới quan duy tâm.

Câu 18: Quan niệm cho rằng thế giới vật chất tồn tại khác quan không phụ thuộc vào ý chí của con người là quan điểm của thế giới quan

- A. thần thoại. B. duy tâm. C. duy vật. D. tôn giáo.

Câu 19: Triết học có vai trò nào dưới đây đối với hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người?

- A. Vai trò đánh giá và cải tạo thế giới đương đại.
B. Vai trò định hướng và phương pháp luận.
C. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận chung.
D. Vai trò thế giới quan và phương pháp đánh giá.

Câu 20: Thấy con trai là anh D và con dâu là chị T kết hôn nhiều năm mà chưa có con nên bà Y rất sốt ruột. Bà mang chuyện này kể với bà S là mẹ chị T, sau khi trao đổi, bà S đã đến nhờ ông O một người chuyên làm nghề thầy cúng mở một khóa lễ với chi phí 2 triệu đồng. Thấy khóa lễ đã làm xong mà chị T vẫn chưa có thai, bà S cho rằng bà Y tiếc tiền nên sắm lễ không thành tâm. Sau đó bác sỹ kết luận nguyên nhân chưa có con là xuất phát từ phía chị T. Những ai đã có cách nhìn nhận mang tính duy tâm khi xem xét sự việc.

- A. Bà S và bà Y. B. Anh D, chị T và bà S.
C. Anh D và chị T. D. Bà S, bà Y và ông O.

Câu 21: Dựa trên cơ sở nào để người ta phân chia thành thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm?

- A. Vấn đề cơ bản của triết học. B. Đối tượng nghiên cứu của triết học.
C. Nội dung cơ bản của triết học. D. Cách trả lời mặt thứ nhất trong vấn đề cơ bản của triết học.

Câu 22: Vận động và phát triển có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Phát triển bao hàm vận động. B. Vận động bao hàm phát triển.
C. Vận động và phát triển là một. D. Vận động đối lập với phát triển.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây không thuộc kiến thức Triết học?

- A. Thế giới tồn tại khách quan. B. Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn vận động.
C. Giới tự nhiên là cái sẵn có. D. Kim loại có tính dẫn điện.

Câu 24: Toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống gọi là

- A. Quan niệm sống của con người. B. Cách sống của con người.
C. Thế giới quan. D. Lối sống của con người.

Câu 25: Giữa sự vật và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào là nội dung.

- A. Mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học. B. Mặt thứ hai vấn đề cơ bản của Triết học.
C. Khái niệm vấn đề cơ bản của Triết học. D. Vấn đề cơ bản của Triết học.

Câu 26: Theo quan điểm của Triết học duy vật biện chứng, vận động là sự biến đổi nói chung của các sự vật và hiện tượng trong

- A. thế giới vật chất. B. giới tự nhiên và tư duy.
C. giới tự nhiên và đời sống xã hội. D. thế giới khách quan.

Câu 27: Thuộc tính chung nhất của vận động là gì?

- A. Sự biến đổi nói chung. B. Sự thay đổi vị trí.
C. Sự thay đổi hình dáng. D. Sự chuyển động của các nguyên tử.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng khi nói về vận động?

- A. Sự vật và hiện tượng lập đi lập lại.

- B. Sự vật và hiện tượng không biến đổi.
- C. Sự vật và hiện tượng phụ thuộc vào con người.
- D. Sự vật và hiện tượng không ngừng biến đổi.

Câu 29: Trong giới tự nhiên và đời sống xã hội, nói đến vận động là nói đến yếu tố nào dưới đây của các sự vật và hiện tượng?

- A. cô lập.
- B. phát triển.
- C. biến đổi.
- D. tăng trưởng.

Câu 30: Triết học Mác - Lê nin quan niệm, đối với các sự vật và hiện tượng vận động là

- A. cách thức diệt vong.
- B. kết quả tác động từ bên ngoài.
- C. sự hóa đổi vị trí của các vật.
- D. sự biến đổi nói chung.

Câu 31: Bằng vận động và thông qua vận động, sự vật hiện tượng đã thể hiện đặc tính nào dưới đây?

- A. Khái quát và cơ bản.
- B. Vận động và phát triển
- C. Phong phú và đa dạng.
- D. Phổ biến và đa dạng

Câu 32: Theo quan điểm Triết học, mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng

- A. sự đấu tranh giữa các mặt đối lập
- B. sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập
- C. sự điều hòa giữa các mặt đối lập
- D. sự phủ định giữa các mặt đối lập

Câu 33: Sự thống nhất giữa các mặt đối lập được hiểu là, hai mặt đối lập

- A. liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề để cho nhau tồn tại.
- B. gắn bó mật thiết với nhau, chuyển hóa lẫn nhau.
- C. thống nhất biện chứng với nhau.
- D. cùng bổ sung cho nhau phát triển.

Câu 34: Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng con đường như thế nào giữa các mặt đối lập?

- A. Hợp tác, thương lượng.
- B. Đấu tranh .
- C. Hòa bình.
- D. Thỏa hiệp.

Câu 35: Cần làm gì để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống theo quan điểm Triết học?

- A. Thực hiện chủ trương “dĩ hòa vi quý”.
- B. Tránh tư tưởng “đốt cháy giai đoạn”
- C. Tiến hành phê bình và tự phê bình.
- D. Điều hòa mâu thuẫn.

Câu 36: Cặp khái niệm nào dưới đây nói đến hai mặt đối lập trong kinh tế?

- A. Tiến bộ – lạc hậu.
- B. Tăng trưởng – phát triển.
- C. Tài nguyên – chính sách.
- D. Sản xuất – tiêu dùng.

Câu 37: Nguyên nhân tạo nên sự suy thoái hay tiến bộ của nền đạo đức xã hội theo quan điểm của Triết học là sự đấu tranh giữa

- A. pháp luật và đạo đức.
- B. phong tục và tập quán.
- C. cái thiện và cái ác.
- D. cái được và cái mất.

Câu 38: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mặt đối lập do đâu mà có?

- A. Do ý thức, cảm giác của con người tạo ra.
- B. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra.
- C. Là vốn có của thế giới vật chất.
- D. Do các sự vật, hiện tượng quy định lẫn nhau.

Câu 39: Triết học gọi hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau là gì?

- A. Sự chuyển hóa của hai mặt đối lập.
- B. Sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập.
- C. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau.
- D. Sự thống nhất của hai mặt đối lập.

Câu 40: Hai mặt đối lập nào sau đây là nguồn gốc của sự ra đời của nhà nước Phong kiến thay cho nhà nước Chiếm hữu nô lệ?

- A. Nông dân – địa chủ.
- B. Chủ nô – nô lệ.
- C. Tư hữu – công hữu.
- D. Tư sản – vô sản.

.....**HẾT**.....

A. LÝ THUYẾT

BÀI 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. sản xuất của cải vật chất?

a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất?

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người.
- Quyết định mọi hoạt động của xã hội.

2: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất

a. Sức lao động

- Khái niệm: Là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.
- Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Đối tượng lao động

- Khái niệm: Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.
- Phân loại (có 2 loại đối tượng lao động):
 - + Loại có sẵn trong tự nhiên.
 - + Loại đã trải qua tác động của lao động, được cải biến ít nhiều.

c. Tư liệu lao động

- Khái niệm: Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.
- Phân loại (ba loại):
 - + Công cụ lao động (hay công cụ sản xuất), là yếu tố quan trọng nhất.
 - + Hệ thống bình chứa của sản xuất.
 - + Kết cấu hạ tầng của sản xuất.

3. Phát triển kinh tế

* *Khái niệm: Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.*

Phát triển kinh tế bao gồm:

- + Tăng trưởng kinh tế.
- + Cơ cấu kinh tế hợp lý.
- + Công bằng xã hội.

* *Ý nghĩa của phát triển kinh tế:*

- + đối với cá nhân
- + đối với gia đình
- + đối với xã hội

BÀI 2: HÀNG HÓA - TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG

I. HÀNG HÓA

* **Khái niệm hàng hóa** : Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán.

* **Hai thuộc tính của hàng hóa**

- Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

- Giá trị của hàng hóa:

+ Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của nó.

+ Giá trị trao đổi là mối quan hệ về số lượng, hay tỷ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau

+ Giá trị của hàng hóa là *lao động xã hội* của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

II. TIỀN TỆ

- **Các chức năng của tiền tệ**

*Thước đo giá trị

+ Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của HH.(giá cả).

+ Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố: giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu HH

*Phương tiện lưu thông

Theo công thức: H - T - H (tiền là môi giới trao đổi)

Trong đó, H-T là quá trình bán, T-H là quá trình mua.

*Phương tiện cất trữ

Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị

* Phương tiện thanh toán

Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp thuế...)

* Tiền tệ thế giới

Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác, việc trao đổi tiền nước này với nước khác theo tỉ giá hối đoái.

III. THỊ TRƯỜNG

* **KN:**Thị trường là lĩnh vực (hay quá trình) trao đổi mua bán, mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

* Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

+ Hàng hóa bán được ng sx sẽ có tiền trang trải sx, có lãi-> sx tiếp tục và đ/sống được nâng cao. HH kg bán được tất yếu sẽ dẫn đến thua lỗ-> phá sản.

- Chức năng thông tin:

+ Những thông tin mà TT cung cấp như: Quy mô cung- cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, đ.kiện mua bán...

- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sx và tiêu dùng.

+ Đối với ng sx: Giá cả cao sẽ k.thích sx, giá cả thấp sẽ hạn chế sx

+ Đối với lưu thông: Đ.tiết HH và DV theo giá từ thấp đến cao, mở rộng kinh doanh, thu hẹp kinh doanh hoặc chuyển hướng kd...

+ Đối với ng tiêu dùng: Giá cao thị thu hẹp số lượng mua hoặc chuyển mua mặt hàng khác, giá thấp họ sẽ làm ngược lại.

B. DẠNG CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1: : Anh A trồng rau sạch bán lấy tiền mua dụng cụ học tập cho con. Trong trường hợp này, tiền tệ thể hiện chức năng nào sau đây?

A. Thước đo giá trị.

B. Phương tiện lưu thông.

C. Phương tiện cất trữ.

D. Phương tiện thanh toán.

Câu 2: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng và phát triển kinh tế đất nước?

- A. Tích cực học tập nâng cao trình độ.
- B. Bảo tồn mọi phong tục vùng miền.
- C. Từ chối tham gia hội nhập quốc tế.
- D. Duy trì khoảng cách hội nhập kinh tế

Câu 3: Để răn dạy con cháu, ông cha ta từng khẳng định câu “tác đất, tác vàng” Muốn nói đến yếu tố nào sau đây của quá trình sản xuất?

- A. Tư liệu lao động.
- B. Đối tượng lao động.
- C. Công cụ lao động.
- D. Sức lao động.

Câu 4: Sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán là

- A. tiền tệ.
- B. hàng hóa.
- C. lao động.
- D. thị trường.

Câu 5: Sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là

- A. sản xuất kinh tế
- B. thoả mãn nhu cầu.
- C. sản xuất của cải vật chất.
- D. quá trình sản xuất.

Câu 6: Đây là chức năng của tiền tệ?

- A. Phương tiện thanh toán.
- B. Phương tiện giao dịch.
- C. Phương tiện mua bán.
- D. Phương tiện trao đổi.

Câu 7: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người được gọi là

- A. sản xuất của cải vật chất.
- B. hoạt động.
- C. tác động.
- D. lao động.

Câu 8: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người được gọi là

- A. tư liệu lao động.
- B. công cụ lao động.
- C. đối tượng lao động.
- D. tài nguyên thiên nhiên.

Câu 9: Lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ được gọi là

- A. chợ.
- B. sàn giao dịch.
- C. thị trường.
- D. thị trường chứng khoán.

Câu 10: Một trong những chức năng của thị trường là chức năng

- A. đánh giá hàng hóa.
- B. trao đổi hàng hóa.
- C. thực hiện hàng hóa.
- D. điều tiết hàng hóa

Câu 11: Bên cạnh chức năng thừa nhận và chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng, thị trường còn có chức năng

- A. mua – bán.
- B. kiểm tra.
- C. thông tin.
- D. thực hiện.

Câu 12: Công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người là

- A. giá trị sử dụng.
- B. chất lượng.
- C. giá trị.
- D. chức năng.

Câu 13: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng và phát triển kinh tế đất nước?

- A. Mua bán người qua biên giới.
- B. Tài trợ hoạt động khủng bố
- C. chủ động tìm kiếm thị trường.
- D. tàng trữ trái phép vũ khí.

Câu 14: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất gồm

- A. sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động.
- B. sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động.
- C. sức lao động, công cụ lao động, tư liệu lao động.
- D. sức lao động, tư liệu lao động, công cụ sản xuất.

Câu 15: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng và phát triển kinh tế đất nước?

- A. Xây dựng nền kinh tế tự nhiên.
- B. Chủ động thúc đẩy độc quyền.

C. Tạo ra năng suất lao động cao.

D. Tạo động lực để phát triển văn hóa.

Câu 16: công cụ lao động của người thợ may là

A. máy khâu.

B. vải.

C. áo, quần.

D. áo quần bán ở chợ.

Câu 17 Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, xét về mặt bản chất, tua tham quan Huế – Đà Nẵng – Hội An là loại hàng hoá

A. không xác định.

B. dịch vụ.

C. ở dạng vật thể.

D. hữu hình.

Câu 18: Sức lao động của con người là

A. năng lực thể chất của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất.

B. năng lực tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất.

C. năng lực thể chất và tinh thần của con người.

D. năng lực thể chất và tinh thần được vận dụng vào trong quá trình sản xuất.

Câu 19: Việc người sản xuất luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác thông qua sự biến động của giá cả thị trường là thực hiện chức năng nào sau đây của thị trường?

A. Thanh toán.

B. Cát trữ.

C. Kiểm tra.

D. Điều tiết.

Câu 20: Trong các yếu tố của quá trình sản xuất, yếu tố nào giữ vai trò quan trọng nhất?

A. Tư liệu lao động.

B. Sức lao động.

C. Công cụ lao động.

D. Đối tượng lao động

Câu 21: Khi thấy giá bất động sản tăng, anh B đã bán căn nhà mà trước đó anh đã mua nên thu được lợi nhuận cao. Anh B đã vận dụng chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Thanh toán.

B. Lưu thông.

C. Thông tin.

D. Đại diện.

Câu 22: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, để kịp thời đưa ra quyết định nhằm thu lợi nhuận cao, người bán hàng phải căn cứ vào chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Thông tin.

B. Thanh toán.

C. Điều phối.

D. Thực hiện.

Câu 23: Muốn tồn tại, con người phải có thức ăn, đồ mặc, nhà ở. Để có những thứ đó, con người phải lao động để tạo ra của cải vật chất. Điều đó thể hiện ý nào sau đây của sản xuất của cải vật chất?

A. Vai trò.

B. Ý nghĩa.

C. Nội dung.

D. Phương hướng.

Câu 24: . Loại đã qua chế biến như sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy là

A. đối tượng lao động.

B. công cụ lao động.

C. phương tiện lao động.

D. tư liệu lao động.

Câu 25: Sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán là

A. tiền tệ.

B. hàng hóa.

C. lao động.

D. thị trường.

Câu 26: Để khôi phục sản xuất sau khi dịch bệnh lǎng xuống, công ty A lên kế hoạch về việc nhập nguyên liệu như sắt thép, nguyên vật liệu như ..Những nguyên vật liệu đầu vào mà công ty nhập là đề cập đến yếu tố nào dưới đây của quá trình sản xuất

A. Công cụ lao động.

B. Đối tượng lao động

C. Hệ thống bình chứa.

D. Kết cấu hạ tầng.

Câu 27: Có ý kiến cho rằng: Cây gỗ là tư liệu lao động của người thợ chổng lò trong hầm mỏ nhưng là đối tượng lao động của người thợ mộc. Em sẽ sử dụng căn cứ nào dưới đây để giải thích cho ý kiến đó?

A. Mục đích sử dụng cây gỗ gắn với chức năng mà nó đảm nhận trong sản xuất.

B. Đặc tính cơ bản của cây gỗ gắn với chức năng của nó trong sản xuất.

C. Chức năng của cây gỗ đảm nhận gắn với đặc trưng cơ bản của nó trong sản xuất.

D. Thuộc tính cơ bản gắn với mục đích sử dụng của cây gỗ trong sản xuất.

Câu 28: Hai bạn D và L đến siêu thị để mua hàng, tại đây các bạn thấy bất kỳ hàng hóa nào cũng được in giá lên bao bì sản phẩm như: 4.500đ/ hộp sữa, 8000đ/1 cuốn vở, 30.000đ/1 suất cơm. Việc in giá công khai như vậy là biểu hiện chức năng nào của tiền tệ?

A. Chức năng cất trữ

B. Chức năng thanh toán.

C. Thước đo giá trị

D. Chức năng lưu thông.

Câu 29: Hiện nay, nhiều nơi ở nước ta, người nông dân bỏ lúa trồng các loại cây ăn quả này có giá cao trên thị trường. Trong trường hợp này người nông dân đã căn cứ chức năng nào của thị trường để chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

A. Chức năng thừa nhận giá trị.

B. Chức năng thực hiện giá trị.

C. Chức năng thông tin.

D. Chức năng điều tiết sản xuất, tiêu dùng.

Câu 30: A dùng tiền trả cho B khi mua quần áo của B là thể hiện chức năng nào dưới đây của tiền tệ?

A. Phương tiện lưu thông.

B. Thước đo giá trị.

C. Phương tiện cất trữ.

D. Phương tiện thanh toán.

Câu 31: “*Con trâu đi trước, cái cày theo sau*” là nói đến yếu tố nào dưới đây trong quá trình lao động?

A. Đối tượng lao động.

B. Tư liệu lao động.

C. Nguyên liệu lao động.

D. Sức lao động

Câu 32: Đây là chức năng của tiền tệ?

A. Phương tiện thanh toán.

B. Phương tiện giao dịch.

C. Phương tiện mua bán.

D. Phương tiện trao đổi.

Câu 33: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất gồm

A. sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động.

B. sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động.

C. sức lao động, công cụ lao động, tư liệu lao động.

D. sức lao động, tư liệu lao động, công cụ sản xuất.

Câu 34: Loại đã qua chế biến như sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy là

A. Đối tượng lao động.

B. Công cụ lao động.

C. Phương tiện lao động.

D. Tư liệu lao động.

Câu 35: Gia đình bạn H đang là học sinh lớp 11 có nghề mây tre đan thủ công mỹ nghệ nổi tiếng trong vùng. Sau giờ học H rủ các bạn cùng lớp đến để làm kiếm thêm thu nhập mua sách vở, tài liệu phục vụ cho việc học tập. Việc làm của A và các bạn là đề cập đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với?

A. Xã hội.

B. Tập thể.

C. Khu vực.

D. Cá nhân.

Câu 36: Doanh nghiệp H kinh doanh mở rộng qui mô sản xuất góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, giảm tỉ lệ người thất. Việc làm của doanh nghiệp H thể hiện vai trò của phát triển kinh tế đối với

A. gia đình.

B. xã hội.

C. tập thể.

D. cộng đồng.

Câu 37: Vai trò của sản xuất của cải vật chất được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Xóa bỏ mọi loại cạnh tranh.

B. Quyết định mọi hoạt động xã hội.

C. Lũng đoạn thị trường.

D. Cung cấp thông tin.

Câu 38: Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội là

A. phát triển xã hội.

B. phát triển kinh tế.

C. phát triển bền vững.

D. tăng trưởng kinh tế.

Câu 39: Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng trong quá trình sản xuất được gọi là

A. lao động.

B. hoạt động.

C. sản xuất của cải vật chất.

D. sức lao động.

Câu 40: Loại có sẵn trong tự nhiên như quặng trong lòng đất, tôm cá dưới sông biển là

A. đối tượng lao động.

B. công cụ lao động.

C. phương tiện lao động.

D. tư liệu lao động.

.....**HẾT**.....

BÀI 11. PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Kiến thức cơ bản:

1. Khái niệm pháp luật:

a. Pháp luật là gì? Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước, nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b. Đặc trưng của pháp luật:

- Tính quy phạm phổ biến.
- Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- Tính chặt chẽ về mặt hình thức.

2. Bản chất của pháp luật:

a. Bản chất giai cấp của pháp luật: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

b. Bản chất xã hội của pháp luật:

- + Pháp luật bắt nguồn từ đời sống thực tiễn xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.
- + Pháp luật không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác trong xã hội.
- + Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội.

3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức:

a. Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức:

- Trong hàng loạt quy phạm pháp luật luôn thể hiện các quan niệm về đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội.
- Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.
- Những giá trị cơ bản của pháp luật - công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải cũng là những giá trị đạo đức cao cả mà con người hướng tới.

4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội:

a. PL là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội:

- Không có pháp luật, xã hội sẽ không có trật tự, ổn định, không thể tồn tại và phát triển được.
- Nhờ có pháp luật, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động cá nhân, tổ chức.
- Pháp luật sẽ bảo đảm dân chủ, công bằng, phù hợp lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau.
- Pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách thống nhất trong toàn quốc và được đảm bảo bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước nên hiệu lực thi hành cao.

c. PL là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình:

- Hiến pháp quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong từng lĩnh vực cụ thể.
- Công dân thực hiện quyền của mình theo quy định của PL.

PL là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Kiến thức cơ bản:

1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật:

a. Khái niệm thực hiện pháp luật: Là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của PL đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật:

- Sử dụng PL: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm.

- Thi hành PL: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

- Tuân thủ PL: Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.

- Áp dụng PL: Các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý:

a. Vi phạm pháp luật:

- Có 3 dấu hiệu nhận biết vi phạm PL:

+ Hành vi trái pháp luật.

+ Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

+ Người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

- Khái niệm: Là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm các quan hệ xã hội do PL bảo vệ.

b. Trách nhiệm pháp lý: Là nghĩa vụ mà các chủ thể vi phạm PL phải gánh chịu những biện pháp cưỡng chế do nhà nước áp dụng.

c. VPPL và trách nhiệm pháp lý:

- Vi phạm hình sự: là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm và quy định tại Bộ luật Hình sự. Người có hành vi vi phạm hình sự phải chịu *trách nhiệm hình sự*, thể hiện ở việc phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Tòa án.

- Vi phạm hành chính: là hành vi vi phạm PL có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước. Người vi phạm hình sự phải chịu *trách nhiệm hành chính*, như: bị phạt tiền, phạt cảnh cáo, khôi phục lại tình trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phoyong tiền được d ng để vi phạm,...

- Vi phạm dân sự: là hành vi vi phạm PL xâm phạm các mối quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

- Vi phạm kỷ luật: là vi phạm PL xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước,...

+ Trách nhiệm kỷ luật: các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương thôi việc, chuyển công tác khác,...

CÁC DẠNG CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính cưỡng chế.

B. Tính quyền lực bắt buộc chung.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 3: Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật

A. bắt nguồn từ thực tiễn của đời sống xã hội.

B. phản ánh lợi ích của giai cấp cầm quyền

C. luôn tồn tại trong mọi xã hội.

D. đứng trên xã hội.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

- A. Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.
- B. Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.
- C. Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.
- D. Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

Câu 5: Quy tắc xử sự: “Thuận mua, vừa bán” là thể hiện bản chất nào dưới đây của pháp luật?

- A. Bản chất xã hội.
- B. Bản chất chính trị.
- C. Bản chất giai cấp.
- D. Bản chất kinh tế.

Câu 6: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính kỉ luật nghiêm minh.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 7: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Hiệu lực tuyệt đối.
- D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 8: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai.
- B. Tính dân chủ.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 9: Pháp luật do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền là thể hiện bản chất nào của pháp luật?

- A. Xã hội.
- B. Giai cấp.
- C. Chính trị.
- D. Kinh tế.

Câu 10: Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

- A. Nghị định.
- B. Chỉ thị.
- C. Hiến pháp.
- D. Thông tư.

Câu 11: Cục thông tin và truyền thông đã quyết định xử phạt việc chị T đã có hành vi đăng tải lên trang cá nhân những thông tin trái với thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhận thức và hành vi của trẻ nhỏ.. Việc làm của cục thông tin và truyền thông thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B. Tính quy phạm phổ biến.
- C. Tính chặt chẽ về hình thức.
- D. Tính kỉ luật nghiêm minh.

Câu 12: Công ty A chậm thanh toán đơn hàng theo đúng thời hạn hợp đồng đã thỏa thuận với công ty B và bị công ty B khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Việc Tòa án xử lý vi phạm của công ty A là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính thực tiễn xã hội.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 13: Chị P và anh K yêu nhau và muốn kết hôn, nhưng bố chị P lại muốn chị kết hôn với người khác nên đã cản trở việc kết hôn của chị. Thuyết phục bố không được, chị P phải viện dẫn điểm b khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, theo đó “Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định” thì bố chị mới đồng ý để hai người kết hôn với nhau. Trong trường hợp này, pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây đối với công dân?

- A. Là phương tiện để mọi người đấu tranh trong những trường hợp cần thiết.
- B. Là yếu tố liên quan đến cuộc sống gia đình.
- C. Là yếu tố điều chỉnh suy nghĩ của mọi người.
- D. Là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 14: Các bạn T, H, M, N cùng thảo luận về các đặc trưng cơ bản của pháp luật. T cho rằng tính quy phạm phổ biến đã làm nên giá trị công bằng, bình đẳng của pháp luật. M đồng ý với T nhưng khi nghe N nói tính quyền lực bắt buộc chung mới tạo sự công bằng được thì M lại ủng hộ N. H thì phân

vân không hiểu ai nói đúng. Q ngồi cạnh bên nghe được thì cho rằng cả hai đặc trưng đó đều giống nhau. Trường hợp này ai chưa hiểu đúng về đặc trưng của pháp luật?

- A. M, N, H và Q. B. T, Q và H. C. M và N. D. M, N và Q

Câu 15: Trong quá trình điều tra, cơ quan chức năng kết luận chị K đã vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây thiệt hại ngân sách nhà nước 3 tỉ đồng. Ngoài ra chị còn có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ. Chị bị tuyên phạt 5 năm tù và buộc phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Bản án mà chị K phải nhận thể hiện đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 16: Cơ quan chức năng tiến hành hoạt động kiểm tra đột xuất và phát hiện bà Q chủ nhà hàng X sử dụng thực phẩm đã hết hạn sử dụng, bốc mùi hôi thối và không có giấy phép kinh doanh. Bà Q bị xử phạt và thu hồi giấy phép kinh doanh. Việc xử phạt của cơ quan chức năng phản ánh đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính bắt buộc thực hiện.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 17: Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh mục các bộ sách giáo khoa lớp 6 và lớp 2, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H đã có văn bản chỉ đạo các trường THPT trên địa bàn tỉnh triển khai công tác lựa chọn sách theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính thực tiễn xã hội. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 18: Chủ một nhà hàng là anh M bị cơ quan chức năng xử phạt 10 triệu đồng vì có hành vi bán thuốc lá điện tử cho trẻ em và kinh doanh trái phép một số hàng hóa không có trong danh mục đăng ký kinh doanh. Việc xử phạt của cơ quan chức năng thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 19: Căn vào các quy định của pháp luật về người có thu nhập cao nên ca sĩ X đã chủ động đến cơ quan thuế nộp thuế thu nhập cá nhân. Việc làm của ca sĩ X đã thể hiện hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 20: Giám đốc Công ty A đã tuyển nhân viên mới thay thế vị trí của chị B trong thời gian chị nghỉ thai sản, sau đó chuyển chị sang công việc khác không phù hợp với chuyên môn. Chị B đã làm đơn khiếu nại gửi Ban chấp hành công đoàn và Ban giám đốc. Xét thấy đơn khiếu nại của chị B là hợp lý nên Giám đốc đã bố trí lại công việc cho chị. Vấn đề trong tình huống trên được giải quyết thỏa đáng là nhờ

- A. đặc trưng của pháp luật. B. vai trò của pháp luật.
C. giá trị của pháp luật. D. ý nghĩa của pháp luật.

Câu 21: Luật Giáo dục quy định: “Người học có thành tích trong học tập, rèn luyện được nhà trường, cơ sở giáo dục, cơ sở quản lý giáo dục khen thưởng, trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng theo quy định của pháp luật” thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. B. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung.
C. Tính quyền lực bắt buộc chung. D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 22: Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật. B. Áp dụng pháp luật.
C. Sử dụng pháp luật. D. Tôn trọng pháp luật.

Câu 23: Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

- A. thi hành pháp luật B. tuân thủ pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối kê khai thông tin dịch tễ. B. Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
C. Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước. D. Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

Câu 25: Công dân thi hành pháp luật khi

- A. ủy quyền nghĩa vụ bầu cử. B. hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.
C. tìm hiểu thông tin nhân sự. D. sàng lọc giới tính thai nhi.

Câu 26: Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A. Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
B. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.
C. Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
D. Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

Câu 27: Cô giáo H đã cho Hội khuyến học phường X mượn ngôi nhà cô được thừa kế riêng làm địa điểm mở lớp học tình thương mặc dù chồng cô muốn dành ngôi nhà đó để gia đình nghỉ ngơi vào cuối tuần. Cô giáo H đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. thi hành pháp luật B. sử dụng pháp luật C. áp dụng pháp luật D. tuân thủ pháp luật

Câu 28: Trên đường chở bạn gái bằng xe đạp điện đi chơi, do phóng nhanh vượt ẩu anh K đã va chạm vào xe của anh H đang đi ngược đường một chiều, nên hai bên đã to tiếng với nhau. Thấy những người đi đường dùng điện thoại để quay video, anh K và bạn gái đã vội vàng bỏ đi. Hỏi những ai dưới chưa tuân thủ pháp luật?

- A. Anh K và bạn gái B. Anh K, bạn gái và người quay video
C. Anh K và anh H. D. Anh K, anh H và người bạn gái.

Câu 29: Anh A và chị B cùng nhau đến UBND phường để xin đăng ký kết hôn. Anh H là cán bộ phòng tư pháp của phường, sau khi xem xét đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho 2 người. Các đối tượng trên đã thực hiện pháp luật thuộc hình thức nào?

- A. A và B áp dụng pháp luật, H thi hành pháp luật.
B. A và B thi hành pháp luật, H sử dụng pháp luật.
C. A và B sử dụng pháp luật, H áp dụng pháp luật.
D. H áp dụng pháp luật, A và B tuân thủ pháp luật.

Câu 30: Bị chị B đã đặt điều nói xấu, lăng mạ trên facebook nên chị A đã chặn đường đánh chị B bị thương nặng. Anh C thấy vậy liền ôm giữ chị A lại nhằm giúp chị B chạy thoát. Chị A và chị B chưa thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Sử dụng pháp luật. B. Áp dụng pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. D. Thi hành pháp luật.

Câu 31: Doanh nghiệp X đã lắp đặt hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và không bán những mặt hàng nằm ngoài danh mục được cấp phép. Doanh nghiệp X đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật và tuân thủ pháp luật B. Tuân thủ pháp luật và áp dụng pháp luật.
C. Sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật và thi hành pháp luật.

Câu 32: Theo quy định của pháp luật, vi phạm hình sự là hành vi

- A. nguy hiểm cho xã hội. B. ảnh hưởng quy tắc quản lí.
C. thay đổi quan hệ công vụ. D. tác động quan hệ nhân thân.

Câu 33: Vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm thấp hơn tội phạm, xâm phạm các

- A. quy tắc kỉ luật lao động. B. nguyên tắc quản lí hành chính.

C. quy tắc quản lý của nhà nước.

D. quy tắc quản lý xã hội.

Câu 34: Người có năng lực trách nhiệm pháp lý phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.

B. Từ chối nhận di sản thừa kế.

C. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

D. Tổ chức mua bán nội tạng người.

Câu 35: Công chức, viên chức nhà nước vi phạm pháp luật kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Tìm hiểu quy trình tuyển dụng nhân sự.

B. Đề xuất người giám hộ bị can.

C. Công khai danh tính người tố cáo.

D. Theo dõi việc khôi phục hiện trường.

Câu 36: Người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hình sự?

A. Khai thác tài nguyên trái phép

B. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

C. Sản xuất pháo nổ trái phép.

D. Hủy bỏ giao dịch dân sự.

Câu 37: Ông A nhận một trăm triệu đồng tiền đặt cọc để chuyển nhượng quầy hàng kinh doanh của mình cho bà B. Vì được trả giá cao hơn nên ông A đã chuyển nhượng quầy hàng trên cho anh H và trả lại toàn bộ tiền đặt cọc cho bà B. Bức xúc, bà B cùng chồng là ông P đón đường đập nát xe mô tô của ông A và đánh trọng thương ông A khiến ông phải nhập viện điều trị một tháng. Những ai dưới đây đã vi phạm quan hệ tài sản trong giao dịch dân sự?

A. Bà B và ông P.

B. Ông A, anh H, bà B và ông P.

C. Ông A, bà B và ông P.

D. Ông A và anh H.

Câu 38: K đi xe máy vượt đèn đỏ ở ngã tư đường phố và đâm vào xe máy của M đang đi đến từ phía đường có tín hiệu báo màu xanh. Xe máy của M bị hỏng nặng còn K chỉ bị xây sát nhẹ. K đã nhận lỗi thuộc về mình và đền bù thiệt hại cho M một số tiền mà M yêu cầu. Thế nhưng sau khi hai bên cùng nhau giải quyết và bồi thường thiệt hại thì K còn bị cảnh sát giao thông phạt tiền vì hành vi vượt đèn đỏ. Ai là người vi phạm pháp luật?

A. K và M

B. K

C. Cảnh sát giao thông

D. M.

Câu 39: Khi đo đất để cấp sổ đỏ cho nhà ông A, cán bộ địa chính xã H vì tư lợi nên đã đo lấn chiếm sang nhà ông N 10m đất. Gia đình ông N đã gửi đơn lên ông Q Chủ tịch UBND xã. Do trước đó đã nhận 50 triệu đồng từ phía ông A nên ông Q đã chỉ đạo cán bộ địa chính H sửa lại hồ sơ gốc nhằm cấp sổ đỏ cho gia đình ông D. Trong trường hợp này những ai có thể vừa vi phạm hình sự vừa vi phạm kỷ luật?

A. Ông Q và anh H.

B. Ông A và ông Q.

C. Ông A và ông Q và anh H

D. Ông A và anh H.

Câu 40: Chị V đi xe đạp không quan sát và bất ngờ băng qua đường va chạm với xe máy của anh G đang lưu thông đúng luật khiến cả hai bị ngã xây sát nhẹ, xe máy của anh G bị hỏng nặng. Chị V đứng dậy và lao đến giữ anh G lại nhằm ăn vạ. Thấy chị V đang cố giữ anh G, anh M và X lao vào đánh anh G vì nhảm anh G là người có lỗi. Những ai dưới đây vi phạm pháp luật hành chính và dân sự?

A. Chị V, anh G và M B. Chị V, anh M và X. C. Anh M và anh X. D. Chị V.

.....**HẾT**.....